Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 20-10-2026 08:50:40 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 159/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 119/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí đối với chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng được xây dựng theo cấu trúc phân cấp gồm: lĩnh vực, ngành, chuyên ngành, phân ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ lĩnh vực công nghiệp quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Mục đích sử dụng danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng

1. Các cơ sở công nghiệp quốc phòng và các cơ quan quản lý khoa học và công nghệ sử dụng để phân bổ nguồn lực, hoạch định chiến lược, chính sách; theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng được sử dụng để phục vụ công tác xét duyệt chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này không thay thế Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và chỉ sử dụng trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Việc phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Bảng phân loại lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nội dung danh mục các ngành khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Công nghiệp quốc phòng

1. Mã cấp 1 gồm 02 lĩnh vực khoa học và công nghệ được đánh mã số từ 1 đến 2.

2. Mã cấp 2 gồm 10 ngành khoa học và công nghệ, được hình thành theo từng mã cấp 1 tương ứng và mỗi ngành.

3. Mã cấp 3 gồm 51 chuyên ngành nghiên cứu, được hình thành theo từng mã cấp 2 tương ứng và mỗi ngành.

4. Mã cấp 4 gồm 384 phân ngành nghiên cứu, được hình thành theo từng mã cấp 3 tương ứng và mỗi ngành.

Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Quốc phòng để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C12, C26, C55, C56, C60, C61, C64;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Cổng thông tin điện tử/BQP;
- Lưu: VT, NC. Tuấn 90 .

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Phạm Hoài Nam

Phụ lục

DANH MỤC MÃ NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 159 /2026/TT-BQP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

MÃ CẤP 1. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MÃ CẤP 1	TÊN GỌI
1	Khoa học tự nhiên
2	Khoa học kỹ thuật và công nghệ

MÃ CẤP 2. NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	TÊN GỌI
1		KHOA HỌC TỰ NHIÊN
	101	Toán học và thống kê
	102	Khoa học máy tính và thông tin
	103	Vật lý
	104	Hóa học
2		KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
	202	Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin
	203	Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy
	204	Kỹ thuật hóa học
	205	Kỹ thuật vật liệu và luyện kim
	210	Công nghệ nano
	298	Kỹ thuật Đo lường

MÃ CẤP 3. CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	TÊN GỌI
1			KHOA HỌC TỰ NHIÊN
	101		TOÁN HỌC VÀ THỐNG KÊ
		10102	Toán học ứng dụng
	102		KHOA HỌC MÁY TÍNH VÀ THÔNG TIN
		10201	Khoa học máy tính
		10202	Khoa học thông tin
		10204	Trí tuệ nhân tạo (AI)
	103		VẬT LÝ
		10301	Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học (vật lý các nguyên tử và các phân tử bao gồm va chạm, tương tác bức xạ, cộng hưởng từ; hiệu ứng Moessabauer)
		10302	Vật lý các chất cô đặc (bao gồm cả vật lý chất rắn; siêu dẫn)
		10303	Vật lý hạt và lý thuyết trường
		10304	Vật lý hạt nhân
		10305	Vật lý plasma và chất lỏng (bao gồm cả vật lý bề mặt)
		10306	Quang học (bao gồm cả laser quang học và laser lượng tử)
	104		HÓA HỌC
		10401	Hóa hữu cơ
		10402	Hóa vô cơ và hạt nhân
		10403	Hóa lý
		10404	Hóa học cao phân tử (polyme)
		10405	Điện hóa (pin khô, pin, Pin nhiệt, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)

		10406	Hóa phân tích
2			KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
	202		KỸ THUẬT ĐIỆN, KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, KỸ THUẬT THÔNG TIN
		20201	Kỹ thuật điện và điện tử
		20202	Người máy và điều khiển tự động
		20203	Tự động hóa (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..
		20204	Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông
		20205	Viễn thông
		20206	Phần cứng và kiến trúc máy tính
		20207	Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..
		20298	Kỹ thuật máy tính lượng tử, Kỹ thuật số
	203		KỸ THUẬT CƠ KHÍ, CHẾ TẠO MÁY
		20301	Kỹ thuật cơ khí nói chung
		20302	Chế tạo máy nói chung (Chế tạo máy từng ngành xếp vào các ngành cụ thể)
		20304	Chế tạo máy động lực
		20308	Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ
		20311	Kỹ thuật cơ khí tàu thuyền
		20314	Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân (Vật lý hạt nhân xếp vào mục 10304)
	204		KỸ THUẬT HÓA HỌC
		20401	Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)
		20402	Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung
		20404	Kỹ thuật hóa vô cơ
		20405	Kỹ thuật hóa hữu cơ
		20406	Kỹ thuật hóa dầu

		20499	Kỹ thuật hóa học khác
	205		KỸ THUẬT VẬT LIỆU VÀ LUYỆN KIM
		20501	Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim
		20502	Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen
		20503	Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu
		20504	Luyện kim bột
		20505	Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..
		20508	Vật liệu điện tử
		20509	Vật liệu kim loại
		20510	Gốm
		20511	Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ
		20512	Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)
		20514	Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp
		20515	Vật liệu tiên tiến
	210		CÔNG NGHỆ NANO
		21001	Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)
		21002	Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano)
	298		Kỹ thuật Đo lường
		29801	Đo lường các đại lượng cơ bản và dẫn xuất

MÃ CẤP 4. PHÂN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
1				KHOA HỌC TỰ NHIÊN	
	101			TOÁN HỌC VÀ THỐNG KÊ	
		10102		Toán học ứng dụng	
			1010201	Toán học tính toán	
			1010202	Mô hình toán học các khoa học tự nhiên (như mô hình toán học của cơ học, khí động lực học; chuyển động sóng của chất lỏng; điện động lực các môi trường,...)	
			1010203	Vận trù học	
			1010204	Tối ưu hóa	
			1010205	Lý thuyết hệ thống và điều khiển; mô hình hóa;	
			1010206	Phương pháp toán học trong cơ học	
			1010207	Toán học chuyên ngành (Toán kỹ thuật & công nghệ; Toán Công nghệ thông tin & khoa học máy tính,...)	
			1010299	Các vấn đề toán học ứng dụng khác	
	102			KHOA HỌC MÁY TÍNH VÀ THÔNG TIN	
		10201		Khoa học máy tính (Những nội dung về phần cứng xếp vào mục 20206 - Phần cứng và kiến trúc máy tính)	
			1020101	Điều khiển học; Hệ thống điều khiển tự động	
			1020102	Lập trình; Ngôn ngữ lập trình; Ngôn ngữ siêu văn bản; lập trình đa phương tiện	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1020103	Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ phần mềm	
			1020104	Phần mềm; Phần mềm hệ thống; Hệ điều hành; Chương trình tiện ích	
			1020105	Cơ sở lý thuyết kỹ thuật tính toán; Lý thuyết và mô hình hóa; hệ thống; tổ hợp và mạng tính toán; Thuật toán	
			1020106	Thiết bị nhập - xuất tin (Input-output devices)	
			1020107	Mạng máy tính; Liên kết mạng (Networking); Internet; Internet vạn vật (IoT), Web ngữ nghĩa (semantic web),...	
			1020108	An toàn không gian số (an ninh mạng, an toàn thông tin...)	
			1020109	Khoa học dữ liệu (cấu trúc dữ liệu, thao tác với dữ liệu, dữ liệu lớn); khai thác dữ liệu (Data mining)	
			1020110	Cơ sở dữ liệu, CSDL quan hệ, CSDL phân tán; OLAP (Online Analytical Processing); v.v..	
			1020111	Đồ họa máy tính; xử lý ảnh; xử lý tín hiệu	
			1020112	Xử lý văn bản; nhận dạng tiếng nói; nhận dạng mẫu; thị giác máy tính	
			1020113	Người máy, mô phỏng và mô hình hóa	
			1020114	Hiện thực ảo và mô phỏng quan hệ	
			1020115	Thuật toán di truyền	
			1020116	Logic tập mờ	
			1020199	Các vấn đề khoa học máy tính khác	
		10202		Khoa học thông tin	
			1020201	Lý thuyết thông tin; kiến trúc thông tin; lý thuyết tín hiệu; lý thuyết mã hóa	
			1020202	Mô hình hóa dữ liệu; khổ mẫu dữ liệu; các vấn đề của khổ mẫu dữ liệu khác	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1020203	Lưu trữ, tìm kiếm và quản trị thông tin	
			1020204	Quản trị tri thức; kỹ thuật tri thức (knowledge engineering)	
			1020205	Tương tác người - máy; giao diện và trình bày	
			1020206	Hệ thống thông tin; tổ chức hệ thống thông tin; quản lý hệ thống thông tin	
			1020207	Hệ thống thông tin liên tổ chức	
			1020208	Hệ thống thông tin toàn cầu	
			1020209	Hệ thống hỗ trợ nhóm và Hệ thống hỗ trợ ra quyết định	
			1020299	Các vấn đề khoa học thông tin khác	
		10204		Trí tuệ nhân tạo	
			1020401	Các tác nhân thích ứng	
			1020402	Robot thông minh	
			1020403	Cuộc sống nhân tạo	
			1020404	Học máy	
			1020405	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	
			1020406	Biểu diễn tri thức	
			1020407	Lập kế hoạch và lộ trình trong trí tuệ nhân tạo	
			1020408	Phương pháp tìm kiếm trong trí tuệ nhân tạo	
			1020409	Trí tuệ nhân tạo phân tán	
			1020410	Nhận dạng mẫu và hình ảnh nhân tạo	
			1020411	Ảnh máy tính trong trí tuệ nhân tạo	
			1020412	Máy tính nhận thức	
			1020413	Mô hình máy tính về nhận thức, trí nhớ và sự chú ý	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1020414	Lập trình logic trong trí tuệ nhân tạo	
			1020415	Hệ chuyên gia trong trí tuệ nhân tạo	
			1020499	Các vấn đề trí tuệ nhân tạo khác	
	103			VẬT LÝ	
		10301		Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học (vật lý các nguyên tử và các phân tử bao gồm va chạm, tương tác bức xạ, cộng hưởng từ; hiệu ứng Moessabauer)	
			1030101	Vật lý nguyên tử (lý thuyết nguyên tử; mô hình nguyên tử; v.v..)	
			1030102	Vật lý phân tử (tính chất vật lý của phân tử; tính chất của liên kết hóa học giữa các nguyên tử; lực giữa các phân tử, v.v..)	
			1030103	Quang phổ học; tương tác bức xạ; cộng hưởng từ; tia gamma; hiệu ứng Moessabauer	
			1030199	Các vấn đề vật lý nguyên tử, vật lý phân tử và vật lý hóa học khác	
		10302		Vật lý các chất cô đặc (bao gồm cả vật lý chất rắn; siêu dẫn)	
			1030201	Nghiên cứu pha; các pha nhiệt độ thấp, ngưng kết Bose-Einstein	
			1030202	Pha khí Fermi; chất lỏng Fermi; ngưng kết Fermionic; chất lỏng Luttinger; siêu chất lỏng	
			1030203	Siêu chất rắn (super solid matters)	
			1030204	Hiện tượng pha; chuyển dịch pha	
			1030205	Sức căng bề mặt; nucleation; phân hủy spin	
			1030206	Chất rắn tinh thể	
			1030207	Chất cách điện; kim loại; bán dẫn; bán kim loại	
			1030208	Tính chất điện của chất rắn và chất ngưng kết (sóng Bloch wave; dẫn	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
				điện; khối lượng hiệu quả...	
			1030209	Các hiện tượng điện tử, hiệu ứng Kondo; plasmon; hiệu ứng Quantum Hall	
			1030210	Siêu dẫn; tinh thể Wigner	
			1030211	Hiện tượng phân lớp; antiferromagnet; hiệu ứng Nam châm điện; nam châm; magnon; phonon	
			1030212	Chất rắn phi tinh thể	
			1030213	Chất rắn không định hình; chất dạng hạt; tinh thể Quasi	
			1030214	Chất ngưng kết mềm	
			1030215	Tinh thể lỏng; polyme; chất lỏng phức hợp; gels; Foams; Emulsions; colloids	
			1030216	Cơ học chất rắn	
			1030217	Cơ học chất lỏng	
			1030218	Cơ học chất rắn biến dạng; Sức bền vật liệu	
			1030299	Các vấn đề vật lý chất cô đặc, chất rắn và siêu dẫn khác	
		10303		Vật lý hạt và lý thuyết trường	
			1030301	Nghiên cứu các hạt cơ bản (điện tử, proton, neutron, photon, neutrino, muon, các loại hạt cơ bản khác), Tính chất các hạt cơ bản	
			1030302	Các định luật bảo toàn cơ bản; tương tác mạnh; tương tác yếu; tương tác hấp dẫn; tương tác điện tử tia vũ trụ	
			1030303	Lý thuyết trường; lý thuyết tương đối hẹp	
			1030304	Cơ học lượng tử	
			1030399	Các vấn đề vật lý hạt và trường khác	
		10304		Vật lý hạt nhân	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1030401	Cấu trúc hạt nhân	
			1030402	Phân rã hạt nhân, phóng xạ	
			1030403	Tổng hợp hạt nhân	
			1030404	Phản ứng hạt nhân; vật lý các lò phản ứng hạt nhân	
			1030499	Các vấn đề vật lý hạt nhân khác	
		10305		Vật lý plasma và chất lỏng (bao gồm cả vật lý bề mặt)	
			1030501	Vật lý plasma: lý thuyết Plasma; cân bằng và ổn định Plasma; tương tác Plasma với sóng và chùm tia; va chạm Coulomb; plasma trong tự nhiên (ion quyển của trái đất; plasma không gian); tính chất Plasma; nguồn plasma; plasma bụi; bức xạ plasma; v.v..	
			1030502	Chẩn đoán plasma (thomson scattering; langmuir probe; spectroscopy; interferometry; ionospheric heating; incoherent scatter radar, v.v..)	
			1030503	Ứng dụng plasma; Năng lượng tổng hợp từ tính (Magetic fusion energy - MFE); năng lượng tổng hợp (Inertial fusion energy - IFE); gia tốc plasma; v.v..	
			1030504	Vật lý chất lỏng; chất lỏng, chất lỏng lượng tử; chất lỏng dị hướng, tinh thể lỏng; kim loại lỏng và chất bán dẫn lỏng; chất lỏng polyme và chất lỏng polyme sinh học	
			1030505	Vật lý bề mặt; thẩm thấu bề mặt, cấu trúc bề mặt; phonon và plasmon bề mặt, spintronics, những vấn đề vật lý bề mặt khác	
			1030599	Các vấn đề vật lý plasma; vật lý chất lỏng và vật lý bề mặt khác	
		10306		Quang học (bao gồm cả laser quang học và laser lượng tử)	
			1030601	Quang học cổ điển: quang sai; liên kết; sự tán sắc; sản xuất và thử	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
				nghiệm quan học; nguyên lý Fermat; quang học Fourier; quang học hình học (thấu kính; gương; thiết bị quang học,..); quang học chỉ số Gradient; quang học tia; v.v..	
			1030602	Quang học thích nghi	
			1030603	Quang học tinh thể	
			1030604	Quang học nhiễu xạ	
			1030605	Quang học sợi quang	
			1030606	Quang học tích hợp	
			1030607	Jones calculus	
			1030608	Quang học phi ảnh (non - imaging optics)	
			1030609	Quang học phi tuyến	
			1030610	Bộ xử lý quang học	
			1030611	Quang học màng mỏng	
			1030612	Quang học lượng tử	
			1030613	Quang học lade	
			1030699	Các vấn đề quang học khác	
	104			HÓA HỌC	
		10401		Hóa hữu cơ	
			1040101	Hóa học hữu cơ cấu trúc và hóa lập thể	
			1040102	Cơ chế phản ứng hữu cơ	
			1040103	Hóa hữu cơ y và sinh học; các hợp chất hữu cơ thiên nhiên và các đồng chất tổng hợp (vitamin, alcaloit; kháng sinh, axit amin,..)	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1040104	Hóa lý hữu cơ	
			1040105	Các hợp chất hữu cơ; hợp chất mạch thẳng; hợp chất hữu cơ mạch vòng; hợp chất thơm; hợp chất dị vòng; hợp chất hữu cơ nguyên tố, ...	
			1040106	Hóa học hữu cơ	
			1040199	Các vấn đề hóa học hữu cơ khác	
		10402		Hóa vô cơ và hạt nhân	
			1040201	Hóa học kim loại chuyển tiếp	
			1040202	Hóa học kim loại nhóm chính	
			1040203	Hóa học chất rắn	
			1040204	Hóa sinh học vô cơ	
			1040205	Hóa học phi kim loại	
			1040206	Hóa học phức chất	
			1040207	Hóa học hạt nhân	
			1040308	Hóa học phóng xạ; đồng vị phóng xạ	
			1040299	Các vấn đề hóa học vô cơ khác	
		10403		Hóa lý	
			1040301	Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	
			1040302	Hóa học tinh thể; tinh thể học	
			1040303	Cơ chế phản ứng	
			1040304	Nhiệt động học và năng lượng học hóa học	
			1040305	Hóa học xúc tác	
			1040306	Hóa bề mặt	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			1040307	Quang phổ hóa học	
			1040308	Điện hóa học	
			1040309	Hóa keo	
			1040399	Các vấn đề hóa lý khác	
		10404		Hóa học cao phân tử (polyme)	
			1040401	Cấu trúc cao phân tử	
			1040402	Tổng hợp cao phân tử	
			1040403	Hóa lý cao phân tử	
			1040404	Tính chất các hợp chất cao phân tử	
			1040405	Cơ chế trùng hợp	
			1040406	Polyme tổng hợp; chất dẻo	
			1040499	Các vấn đề hóa học cao phân tử khác	
		10405		Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)	
			1040501	Pin điện hóa (pin khô, pin thủy ngân; pin axit-chì; pin Lithium;...)	
			1040502	Ăn mòn; ăn mòn kim loại; bảo vệ chống ăn mòn (sơn; anôt hy sinh; v.v...)	
			1040503	Điện phân; điện phân trong nước; điện phân NaCl; dung dịch điện phân; điện phân định lượng; v.v...	
			1040599	Các vấn đề điện hóa khác	
2				KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ	
	202			KỸ THUẬT ĐIỆN, KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, KỸ THUẬT THÔNG TIN	
		20201		Kỹ thuật điện và điện tử	
			2020101	Kỹ thuật điện lý thuyết	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2020102	Phát điện và truyền dẫn điện năng; dây dẫn điện	
			2020103	Vật liệu kỹ thuật điện; Vật liệu cách điện	
			2020104	Máy điện; dụng cụ điện	
			2020105	Kỹ thuật biến đổi điện năng	
			2020106	Thiết bị dẫn động điện	
			2020107	Nguồn điện	
			2020108	Nhiệt điện học	
			2020109	Thiết bị hàn điện	
			2020110	Lý thuyết kỹ thuật điện tử	
			2020111	Lý thuyết kỹ thuật vô tuyến	
			2020112	Vật liệu kỹ thuật điện tử; Vật liệu bán dẫn; điện môi	
			2020113	Thiết kế; chế tạo; công nghệ và thiết bị sản xuất điện tử; vô tuyến điện	
			2020114	Kỹ thuật điện tử lượng tử; kỹ thuật lade	
			2020115	Kỹ thuật vi điện tử (Khí tài quang - quang điện tử; Cơ điện tử…)	
			2020199	Các vấn đề điện và điện tử khác	
		20202		Người máy và điều khiển tự động	
			2020201	Người máy	
			2020202	Hệ điều khiển tự động	
			2020299	Các vấn đề người máy và điều khiển tự động khác	
		20203		Tự động hóa (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..	
			2020301	Tự động hóa; Các hệ thống điều khiển tự động kỹ thuật số (Bao gồm:	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
				Hệ thống tự động trong Tên lửa; Thiết bị không người lái; Ngư lôi; Pháo tàu; Thiết bị điện tàu; Điện tử y sinh; Điều khiển và tin học trong các hệ thống kỹ thuật,…)	
			2020302	Tự động hóa thiết kế (CAD)/Tự động hóa sản xuất (CAM)	
			2020303	Kiểm soát tự động	
			2020304	Hệ thống giám sát tự động	
			2020305	Công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC)	
			2020306	Tự động hóa quản lý tổ chức	
			2020399	Các vấn đề tự động hóa khác	
		20204		Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông	
			2020401	Truyền phát sóng vô tuyến; Công nghệ Anten	
			2020402	Thiết bị thu phát vô tuyến	
			2020403	Kỹ thuật thông tin tương tự	
			2020404	Kỹ thuật thông tin số (digital)	
			2020405	Kỹ thuật thông tin liên lạc; Các tuyến truyền thông; truyền thông nhiều kênh	
			2020406	Công nghệ truyền thông không dây; Chuyển mạch tốc độ cao	
			2020407	Truyền thông vô tuyến	
			2020408	Mạng di động	
			2020409	Kỹ thuật truyền thanh	
			2020410	Kỹ thuật truyền hình	
			2020411	Vệ tinh liên lạc	
			2020412	Rađa; Điều khiển vô tuyến (Bao gồm: Ra đa vô tuyến; Ra đa sô na; Ra	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
				đa hải quân; Thiết kế chế tạo ra đa; Máy hàng hải…)	
			2020413	Kỹ thuật điện âm; kỹ thuật siêu âm	
			2020499	Những vấn đề hệ thống và kỹ thuật truyền thông khác	
		20205		Viễn thông	
			2020501	Hệ thống viễn thông; Mạng viễn thông	
			2020502	Thiết bị viễn thông (Bao gồm: Thông tin; Thông tin vô tuyến điện hải quân; Thiết kế chế tạo trang thiết bị thông tin; Tác chiến điện tử; Tự động hóa chỉ huy…)	
			2020503	Cáp truyền thông	
			2020504	Dạng thức truyền không đồng bộ (ATM)	
			2020505	Hệ thống quang, viễn thám; Truyền thông vệ tinh, đo lường từ xa	
			2020506	Hội nghị từ xa; Hội nghị truyền hình	
			2020599	Các vấn đề kỹ thuật viễn thông khác	
		20206		Phần cứng và kiến trúc máy tính	
			2020601	Kỹ thuật máy tính	
			2020602	Thiết bị phần cứng; thiết bị vào - ra; Thiết bị ngoại vi	
			2020603	Bộ nhớ	
			2020604	Vi mạch; Mạch tích hợp	
			2020605	Thiết bị và kỹ thuật mạng máy tính; Mạng cục bộ	
			2020699	Các vấn đề phần cứng và kiến trúc máy tính khác	
		20207		Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS)	
			2020701	Các hệ thống, thiết bị cơ điện tử	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2020702	Hệ vi cơ điện tử (MEMS)	
			2020703	Hệ thống điều khiển cơ điện tử	
			2020799	Các vấn đề cơ điện tử khác	
		20298		Kỹ thuật máy tính lượng tử, Kỹ thuật số	
	203			KỸ THUẬT CƠ KHÍ, CHẾ TẠO MÁY	
		20301		Kỹ thuật cơ khí nói chung	
			2030101	Kỹ thuật nhiên liệu và đốt nhiên liệu	
			2030102	Kỹ thuật thủy lực	
			2030103	Kỹ thuật công nghiệp	
			2030104	Điều khiển cơ khí	
			2030105	Công nghệ gia công kim loại bằng cơ khí (Bao gồm: Vũ khí, Đạn: Công nghệ chế tạo vũ khí; Công nghệ chế tạo đạn; Công nghệ Gia công áp lực; Thiết kế chế tạo vũ khí; Thiết kế chế tạo đạn…)	
			2030106	Kỹ thuật điều hòa nhiệt độ và làm lạnh	
			2030107	Công nghệ chế tạo phôi	
			2030108	Công nghệ xử lý bề mặt; Kỹ thuật ăn mòn	
			2030199	Các vấn đề kỹ thuật cơ khí nói chung khác	
		20302		Chế tạo máy nói chung (chế tạo máy từng ngành xếp vào các ngành cụ thể)	
			2030201	Bộ môn máy và chi tiết máy nói chung (Thiết kế; ổ, ổ trục, ổ gối đỡ; Khớp trục; khớp nối; bản lề; ly hợp; Truyền động,...); Các phần tử và hệ thống dụng cụ công nghiệp, Các kết cấu máy và công trình	
			2030202	Cơ học ứng dụng	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2030203	Vật liệu chế tạo máy	
			2030204	Công nghệ chế tạo máy	
			2030205	Chế tạo dụng cụ	
			2030206	Công nghệ và kỹ thuật lắp ráp	
			2030207	Công nghệ và thiết bị cắt kim loại và vật liệu,..	
			2030208	Nhiệt động học; Gia công kim loại và hợp kim bằng nhiệt độ cao (Công nghệ và thiết bị nhiệt luyện)	
			2030209	Công nghệ và kỹ thuật đúc	
			2030210	Công nghệ và kỹ thuật rèn - dập,..	
			2030211	Gia công bề mặt	
			2030299	Các vấn đề chế tạo máy khác	
		20304		Chế tạo máy động lực	
			2030401	Chế tạo nồi hơi	
			2030402	Chế tạo tuabin	
			2030403	Chế tạo động cơ	
			2030404	Chế tạo thiết bị động lực đặc biệt (Bao gồm: Chế tạo Ô tô quân sự; Tăng thiết giáp; Xe máy công binh; Máy tàu; Tuabin khí…)	
			2030499	Các loại máy động lực khác	
		20308		Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ	
			2030801	Khí động học hàng không; Khí động học bay	
			2030802	Kết cấu các hệ thống máy móc hàng không, thiết bị bay	
			2030803	Chế tạo, sản xuất tàu bay và thiết bị bay	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2030804	Vận hành tàu bay; Hoạt động của tàu bay	
			2030805	Hệ thống kiểm soát bay	
			2030806	Hệ thống điện hàng không; điện tử hàng không	
			2030807	Công nghệ vệ tinh; tầu vũ trụ	
			2030808	Tên lửa; Khí động học tên lửa; Kết cấu tên lửa (Bao gồm: Tên lửa phòng không; Tên lửa hải quân; Tên lửa đất đối đất; Tên lửa chống tăng; Ngư lôi; Thiết kế chế tạo hệ thống điều khiển tên lửa…)	
			2030809	Thiết bị vũ trụ	
			2030810	Các hệ thống trên thiết bị bay và tên lửa	
			2030811	Hệ thống phương tiện huấn luyện hàng không và vũ trụ	
			2030899	Các vấn đề kỹ thuật hàng không, vũ trụ khác	
		20311		Kỹ thuật cơ khí tàu thuyền	
			2031101	Vật liệu đóng tàu	
			2031102	Kỹ thuật cơ khí áp dụng trong đóng tàu	
			2031103	Hệ thống cơ khí trên tàu thuyền	
			2031104	Hệ thống năng lượng trên tàu	
			2031197	Nhà máy, xưởng đóng, sửa chữa tàu biển	
			2031198	Công nghệ và kỹ thuật thiết kế, chế tạo Tàu chiến; Tàu ngầm; Tàu cao tốc; Tàu chở dầu khí; Tàu biển chở khách, phà; tàu đánh cá, v.v..	
			2031199	Các vấn đề kỹ thuật cơ khí tàu thuyền khác	
		20314		Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân	
			2031401	Cơ khí và thiết bị nhà máy điện hạt nhân	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2031402	Nhiên liệu hạt nhân, nguyên liệu hạt nhân và vật liệu hạt nhân nguồn	
			2031403	Lò phản ứng hạt nhân	
			2031404	Lò phản ứng nhiệt hạch	
			2031405	Kỹ thuật sản xuất đồng vị phóng xạ	
			2031406	Sử dụng chất đồng vị phóng xạ và bức xạ ion hóa	
			2031407	Công nghệ phóng xạ, bức xạ ion hóa; công nghệ phóng xạ phi ion hóa	
			2031408	Xử lý phóng xạ; xử lý nhiên liệu hạt nhân; xử lý chất thải hạt nhân	
			2031409	Sự cố hạt nhân	
			2031499	Các vấn đề kỹ thuật và công nghệ hạt nhân khác	
		20399		Kỹ thuật cơ khí, chế tạo máy khác	
	204			KỸ THUẬT HÓA HỌC	
		20401		Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	
			2040101	Thiết kế công nghiệp hóa học	
			2040102	Các chất và sản phẩm vô cơ	
			2040103	Các chất và sản phẩm hữu cơ (các loại thuốc hoả thuật, thuốc phóng,…)	
			2040105	Hợp chất cao phân tử thiên nhiên, tổng hợp	
			2040106	Chất dẻo	
			2040109	Vật liệu ceramic, khoáng sản	
			2040110	Các hóa chất công nghiệp; chất phụ gia	
			2040111	Các chất phản ứng thử hóa học và chất tinh khiết	
			2040113	Vật liệu nổ	
			2040114	Nhiên liệu lỏng (Nhiên liệu lỏng cho các loại tên lửa, xăng, dầu,...)	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2040115	Nhiên liệu rắn (Nhiên liệu rắn cho các loại tên lửa, cốc hóa than, khí hóa than,..)	
			2040199	Các hóa chất khác	
		20402		Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung	
			2040201	Các quá trình thủy động học	
			2040202	Các quá trình nhiệt động học	
			2040203	Các quá trình khuếch tán	
			2040204	Các quá trình cơ học	
			2040205	Các quá trình hóa học	
			2040206	Mô phỏng và kiểm soát quá trình hóa học	
			2040299	Các vấn đề kỹ thuật quá trình hóa học khác	
		20404		Kỹ thuật hóa vô cơ	
			2040401	Công nghệ các chất và sản phẩm như: lưu huỳnh, nitơ và hợp chất nitơ; Kali và hợp chất kali; Natri và hợp chất natri; Clo và hợp chất clo; photpho và hợp chất photpho;....	
			2040402	Vật liệu vô cơ phát quang	
			2040403	Chất xúc tác vô cơ	
			2040499	Các vấn đề kỹ thuật hóa vô cơ khác	
		20405		Kỹ thuật hóa hữu cơ	
			2040501	Công nghệ và kỹ thuật tổng hợp chất mạch thẳng, hợp chất hữu cơ mạch vòng; hợp chất thơm; hợp chất dị vòng; hợp chất hữu cơ nhiều nguyên tố	
			2040502	Công nghệ và kỹ thuật chế biến các chất cao phân tử tự nhiên (cao su tự nhiên, polysacharit, nhựa tự nhiên,..)	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2040503	Công nghệ và kỹ thuật chế biến các chất tổng hợp cao phân tử (các hợp chất mạch vòng, hợp chất thơm, các chất dị vòng; biến tính các chất cao phân tử	
			2040599	Các vấn đề kỹ thuật hóa hữu cơ khác	
		20406		Kỹ thuật hóa dầu	
			2040601	Công nghệ và kỹ thuật sơ chế dầu mỏ	
			2040602	Công nghệ và kỹ thuật chế biến dầu mỏ	
			2040603	Công nghệ và kỹ thuật làm sạch dầu mỏ, tinh chế; khử parafin;	
			2040604	Công nghệ và kỹ thuật chế biến khí đốt, khí đồng hành;..	
			2040605	Công nghệ và kỹ thuật chế biến các sản phẩm hóa dầu khác (mỡ, dầu môi trơn, parafin, bitum;...)	
			2040606	Công nghệ và kỹ thuật phân tích dầu mỏ, các sản phẩm dầu mỏ	
			2040699	Các vấn đề kỹ thuật hóa dầu khác	
		20499		Kỹ thuật hóa học khác	
	205			KỸ THUẬT VẬT LIỆU VÀ LUYỆN KIM	
		20501		Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim	
			2050101	Lý thuyết các quá trình luyện kim	
			2050102	Nhiệt công và kết cấu lò luyện kim, lò nung nhiên liệu; Thiết bị thu hồi nhiệt, buồng hoàn nhiệt, vòi phun và mỏ đốt	
			2050103	Nhiệt công và kết cấu lò luyện kim, lo nung bằng điện	
			2050104	Vật liệu chịu lửa trong luyện kim	
			2050199	Các vấn đề kỹ thuật nhiệt luyện khác	
		20502		Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2050201	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất sắt thép bằng phương pháp trực tiếp	
			2050202	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất gang	
			2050203	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất hợp kim fero	
			2050204	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất thép	
			2050298	Công nghệ nhiệt luyện và xử lý bề mặt	
			2050299	Các công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim đen khác	
		20503		Kỹ thuật và công nghệ sản xuất kim loại và hợp kim màu	
			2050301	Quá trình công nghệ trong luyện kim màu	
			2050302	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại màu nhẹ và hợp kim của chúng	
			2050303	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại màu nặng và hợp kim của chúng	
			2050304	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại quý và hợp kim của chúng	
			2050305	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại màu hiếm, kim loại đất hiếm và hợp kim của chúng	
			2050306	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại và hợp kim màu phóng xạ	
			2050307	Công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại và hợp kim màu từ nguyên liệu thứ sinh	
			2050398	Công nghệ nhiệt luyện và xử lý bề mặt	
			2050399	Các công nghệ và kỹ thuật sản xuất kim loại và hợp kim màu khác	
		20504		Luyện kim bột	
			2050401	Quá trình công nghệ trong luyện kim bột	
			2050402	Luyện kim bột sắt và hợp kim của nó	
			2050403	Luyện kim bột kim loại màu và hợp kim của nó	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2050599	Các vấn đề luyện kim bột khác	
		20505		Cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..	
			2050501	Công nghệ và thiết bị trong ngành kéo, cán kim loại	
			2050502	Kỹ thuật sản xuất phôi vuông, dẹt, ...	
			2050503	Kỹ thuật cán định hình chuyên dụng kim loại	
			2050504	Cán tấm kim loại đen	
			2050505	Cán tấm và lá kim loại màu và hợp kim màu	
			2050506	Kỹ thuật sản xuất phôi và dây kim loại màu, hợp kim	
			2050507	Kỹ thuật sản xuất dây kim loại đen theo định cỡ và dây kim loại đen	
			2050508	Kỹ thuật sản xuất dây kim loại theo định cỡ và dây kim loại màu	
			2050509	Kỹ thuật sản xuất dây cáp thép và dây thép	
			2050510	Kỹ thuật sản xuất lưới thép	
			2050511	Kỹ thuật sản xuất ống thép không hàn	
			2050512	Kỹ thuật sản xuất ống thép hàn	
			2050513	Kỹ thuật sản xuất ống hàn vảy-cuốn	
			2050599	Các vấn đề khác về cán kim loại; kéo kim loại; sản xuất sản phẩm kim loại; sản xuất ống kim loại, v.v..	
		20508		Vật liệu điện tử	
			2050801	Vật liệu bán dẫn	
			2050802	Vật liệu điện môi	
			2050803	Vật liệu từ và lưỡng từ	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2050804	Vật liệu tinh thể lỏng	
			2050805	Vật liệu phát quang; chất phát sáng nhấp nháy	
			2050806	Thạch anh. Vật liệu phủ chống phản xạ	
			2050807	Vật liệu dẫn điện	
			2050808	Vật liệu siêu dẫn	
			2050899	Các vấn đề vật liệu điện tử khác	
		20509		Vật liệu kim loại	
			2050901	Kim loại học	
			2050902	Công nghệ vật liệu kim loại	
			2050903	Tính chất, cấu trúc, độ bền, độ dẻo của kim loại	
			2050904	Kim loại, hợp kim bột chịu nhiệt	
			2050905	Kim loại đất hiếm	
			2050906	Kim loại polime	
			2050907	Thủy tinh kim loại	
			2050999	Các vấn đề vật liệu kim loại khác	
		20510		Gốm	
			2051001	Kỹ thuật sản xuất gốm, sứ	
			2051002	Kỹ thuật sản xuất thủy tinh	
			2051003	Vật liệu silicát	
			2051099	Các kỹ thuật gốm khác	
		20511		Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ	
			2051101	Kỹ thuật màng mỏng hóa học	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2051102	Vật liệu cao phân tử trong sản xuất vật liệu sơn, phủ	
			2051103	Kỹ thuật sản xuất sơn; men	
			2051104	Kỹ thuật sản xuất vecni	
			2051105	Kỹ thuật sản xuất sơn dầu	
			2051199	Các kỹ thuật màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ khác	
		20512		Vật liệu composit (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	
			2051201	Công nghệ vật liệu composit	
			2051202	Gốm kim loại (cermet)	
			2051203	Công nghệ chất dẻo; chất dẻo gia cường	
			2051204	Công nghệ sợi tổng hợp, chỉ hóa học	
			2051299	Các vật liệu composit khác	
		20514		Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp	
			2051401	Công nghệ dệt, nhuộm	
			2051402	Công nghệ dệt kim	
			2051403	Công nghệ sản xuất chất tạo màu, thuốc nhuộm màu	
			2051499	Các vấn đề kỹ thuật vải, màu và thuốc nhuộm tổng hợp khác	
		20515		Vật liệu tiên tiến	
			2051501	Vật liệu nhớ hình	
			2051502	Siêu hợp kim	
			2051503	Epitaxy	
			2051504	Vật liệu quang tử	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
			2051505	Vật liệu tổng hợp	
			2051506	Vật liệu thông minh	
			2051507	Vật liệu tàng hình	
			2051508	Vật liệu chiết suất âm	
			2051599	Các kỹ thuật vật liệu tiên tiến khác	
		20599		Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác	
	210			CÔNG NGHỆ NANO	
		21001		Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)	
			2100101	Cấu trúc nano	
			2100102	Fullerenes	
			2100103	Tinh thể nano; Hạt nano (nanoparticles)	
			2100104	Ống nano cacbon (Carbon nanotube)	
			2100105	An toàn của sản xuất vật liệu nano	
			2100199	Các vấn đề vật liệu nano khác	
		21002		Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano)	
			2100201	Ứng dụng cấp nano	
			2100202	Công nghệ điện tử phân tử (Molecular electronics)	
			2100203	Công nghệ nano phân tử	
			2100204	Quá trình tự lắp ghép phân tử (Molecular self-assembly)	
			2100299	Các quá trình nano khác	
		21099		Công nghệ nano khác	
	298			KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG	

MÃ CẤP 1	MÃ CẤP 2	MÃ CẤP 3	MÃ CẤP 4	TÊN GỌI	GHI CHÚ
		29801		Đo lường các đại lượng cơ bản và dẫn xuất	
			2980101	Chuẩn đo lường	
			2980102	Phương tiện đo, phương tiện thử nghiệm	